

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2022/HNGĐ –ST.**

Ngày: 23 – 9 – 2022.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Luyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Dũng.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị M Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 265/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/6/2022, về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39a/2022/QĐXX-ST ngày 16/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐHPT- HNGĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1976 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn 3, xã C, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc M, sinh 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn HN, xã ED, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị Thu H trình bày có nội dung như sau:

Bà H và ông Nguyễn Quốc M chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh vào ngày 06/09/2010. Sau khi về chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông M không lo làm kinh tế gia đình, không quan tâm đến gia đình, thường xuyên đi chơi. Ông M thường xuyên xúc phạm và đe dọa bà H. Từ năm 2014 bà H và ông M đã ly thân với nhau, trong thời gian ly thân thì hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc với nhau. Mâu thuẫn kéo dài và không có khả năng hòa giải, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, có về chung sống với nhau cũng không hạnh phúc, vì vậy nguyện vọng của bà H là đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông M.

Về con chung: Trong thời gian sống chung bà H và ông M có 2 con chung là cháu Nguyễn Quốc L, sinh ngày 05/02/2011 và cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 28/02/2015. Bà H có nguyện vọng nuôi hai con chung đến tuổi thành niên và không yêu cầu ông M cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về phía bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện EaKar triệu tập nhiều lần và niêm yết công khai hợp lệ theo thủ tục tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Quốc M vẫn không đến tòa án để giải quyết vụ án. Nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Quốc M.

Ngày 05/9/2022 Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đưa vụ án ra xét xử. Mặc dù ông Nguyễn Quốc M đã được Tòa án nhân dân huyện EaKar niêm yết công khai hợp lệ theo thủ tục tố tụng dân sự nhưng ông M vẫn không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 233 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Quốc M vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý, đến khi xét xử, Thẩm phán tuân theo quy định tại Điều 198 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tổng đạt và niêm yết giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Thu H, cho bà Trần Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Quốc M. Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Quốc L, sinh ngày 05/02/2011 và cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 28/02/2015 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Trần Thị Thu H khởi kiện ông Nguyễn Quốc M về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện EaKar theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Trần Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Quốc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 02 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông M là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân của bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Quốc M là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn lý do là ông bà không có sự tin tưởng tôn trọng lẫn nhau trong cuộc sống, không quan tâm chăm sóc cho gia đình, điều đó được bà H thừa nhận. Thể hiện hôn nhân của bà H, ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Thu H là có căn cứ, phù hợp với Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Quốc M có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc L, sinh ngày 05/02/2011 và cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 28/02/2015. Xét thấy hiện nay bà H có nghề nghiệp ổn định, thu nhập đảm bảo nuôi dưỡng được 02 con chung đến tuổi trưởng thành, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, cháu L cũng có nguyện vọng được ở với bà H. Do vậy, cần giao 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành sẽ bảo đảm được quyền lợi của con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Thu H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Ông M được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, ông M không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5; điểm b, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Quốc M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc L, sinh ngày 05/02/2011 và cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 28/02/2015 cho bà Trần Thị Thu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Thu H không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Ông Nguyễn Quốc M được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, ông M không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà Tơ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 60AA/2021/0006192 ngày 07/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THA dân sự huyện EaKar;
- UBND phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân, Tp Hồ Chí M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Luyện